

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HS-ST
Ngày 18 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

Nơi công tác: Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học phổ thông Chu Văn An

2. Ông Huỳnh Văn Sức

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Thi là Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Phúc T, sinh ngày 25/10/2006, tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật giáo H1; trình độ học vấn: lớp 07/12; con ông Lê Hữu P, sinh năm 1981 và bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985; anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo T bị tạm giam kể từ ngày 23/7/2023 cho đến nay tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện P, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985 (mẹ ruột) nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Cẩm S – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Thiện T1, sinh năm 1983 nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985 nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc C, sinh năm 1993 nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1977 vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1982 vắng mặt;

3. Anh Trần Văn Vũ L, sinh năm 2001 vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Thành K, sinh năm 2000 vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên Trần Phúc T, sinh ngày 25/10/2006, ngụ khóm T, thị trấn P, huyện P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Ngày 22/7/2023, T biết được mẹ ruột Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985 ngụ khóm T, thị trấn P, huyện P cùng chồng bà H là ông Nguyễn Thiện T1 (cha kế của T) và gia đình đi du lịch tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên T điều khiển xe mô tô hiệu Vario, biển số 67D1 - 982.64 (xe do T thuê tại Cửa hàng X thuộc tỉnh Đồng Nai) từ thành phố T, tỉnh Bình Dương về nhà của T1, H lấy trộm tài sản. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T đến nơi thấy nhà cửa đã khóa nên dùng đá chọi vỡ kính cửa sổ nhà sau để vào nhà nhưng không được. Sau đó, T tiếp tục mang theo 01 đầu tua vít, 01 cây búa, 01 cây kiềm, 01 cây cờ lê (những công cụ này do T mua trên đường) và trèo lên nóc nhà, dùng cờ lê mở ốc vít mái tol, đập phá trần la phong bằng thạch cao để vào nhà. Thấy phòng ngủ của vợ chồng chị H khóa cửa, Trông đi xuống bếp lấy 01 cây dao để cạy phá la phong trước cửa phòng ngủ, rồi trèo vào bên trong phòng. T lấy chìa khóa mở nhiều tủ trong nhà lấy trộm tổng cộng 10.750.000 đồng, 01 nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18kara. Tiếp đó, T đi xuống nhà bếp lấy 01 cây tua vít, 01 cây kéo, 01 tấm thớt gỗ và 01 cây đập nước đá để cạy phá kết sắt lấy tài sản (bên trong kết sắt có tài sản gồm: 09 chỉ vàng 24kara, 34,567 chỉ vàng 18kara, 70,53g vàng Ý và 96.550.000 đồng) nhưng chưa lấy được. T tiếp tục đi xuống tầng trệt để tìm công cụ để cạy phá kết sắt. Lúc này, ông Trần Văn T2, sinh năm 1977, ngụ khóm T, thị trấn P phát hiện, tri hô nên T bỏ chạy. T2 tố giác hành vi phạm tội của T đến Công an thị trấn P, mời T làm việc. Qua làm việc, T thừa nhận hành vi như đã nêu.

* Bản Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG.TTHS ngày 31/7/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận: 09 chỉ

vàng 24kara trị giá 49.410.000 đồng; 34,567 chỉ vàng 18kara trị giá 118.910.480 đồng; 70,53g vàng Ý trị giá 102.268.500 đồng; 01 kết sắt hiệu Sanzil màu xám đen, bị hư hỏng trị giá 200.000 đồng; 01 tấm kính có kích thước (45x80)cm, loại 05 ly trị giá 65.000 đồng; 01 tấm la phong bằng thạch cao (40x45)cm; 01 tấm la phong bằng thạch cao (25x40)cm; 01 tấm la phong bằng thạch cao (30x45)cm trị giá 200.000 đồng. Tài sản bị mất trộm được định giá là 270.588.980 đồng. Tổng tài sản bị mất trộm **377.888.980** đồng. Tài sản bị hư hỏng được định giá: **465.000** đồng.

Ngày 01/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Trần Phúc T để điều tra, xử lý.

* Lời khai của bị hại bà Trần Thị Mỹ H, ông Nguyễn Thiện T1 trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Hiện nay, ông T1, bà H đã nhận lại tài sản bị mất trộm và số tiền bồi thường do hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của T, nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

* Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc C trình bày phù hợp với nội dung của vụ án. Việc T thuê xe mô tô hiệu Vario sử dụng để trộm cắp tài sản, cửa hàng xe máy Đức Huy do Trần Quốc C đại diện theo ủy quyền hoàn toàn không biết. Hiện nay, Trần Quốc C đã nhận lại xe mô tô nói trên, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

* Lời khai của những Người làm chứng Trần Văn T2, Nguyễn Thiện Đ, Trần Văn Vũ L, Nguyễn Thành K trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

* Quá trình điều tra, bị cáo Trần Phúc T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của vụ án.

Cáo trạng số 50/CT-VKS-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Trần Phúc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 15, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Phúc T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù kể từ ngày tạm giam 23/7/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 tấm thớt bằng gỗ tròn, dày 3,5cm, đường kính 20,1cm, 01 cây kéo kim loại, cán màu vàng, lưỡi kéo dài

12cm, cán dài 10cm, một bên cán kéo bị gãy, 01 cây dao kim loại dài 29,2cm, lưỡi dài 17,5cm, rộng 07cm; 01 cây vít kim loại dài 11,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 09cm; 01 dụng cụ xúc nước đá bằng kim loại dài 21cm, cán tròn, phần mỏ sút hình cong rộng 6,2cm; 01 cây cờ lê bằng kim loại, dài 12cm, rộng 0,8cm; 01 (một) cây kềm bằng kim loại, dài 16,2cm cán cầm có bao nhựa màu nâu, 01 cây búa cán bằng gỗ, dài 16,7cm, hoành 9,5cm, đầu búa bằng kim loại dài 11,3cm, cạnh vuông rộng 2,3cm. Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, bị vỡ màn hình.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo T là người dưới 18 tuổi, phạm tội chưa đạt nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt thấp hơn. Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức hình phạt thấp nhất theo phát biểu luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người này phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, những người này vắng mặt tại phiên tòa cũng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự, người làm chứng trong vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/7/2023 của Công an huyện P, Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG-TTHS ngày 31/7/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P.

Căn cứ vào các chứng cứ vừa nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Trần Phúc T biết được bà Trần Thị Mỹ H (mẹ ruột) và ông Nguyễn Thiện T1 (cha dượng) đi du lịch, nhà đóng cửa, không người trực tiếp trông coi nên bị cáo thuê xe mô tô từ tỉnh Đồng Nai đến nhà mẹ ruột tại khóm T, thị trấn P, huyện P, An Giang đã vào nhà mở tủ lấy trộm tài sản ông T1 và bà H được 10.750.000 đồng, 01 nhẫn 01 chỉ vàng 18kara, đang phá kết sắt có tiền và vàng bên trong trị giá 363.698.980 đồng để tiếp tục lấy trộm nhưng chưa được thì bị phát hiện, tổng trị giá tài sản là 377.888.980 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Trần Phúc T về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo T tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội được 16 tuổi 09 tháng là người dưới 18 tuổi nhưng có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do bị cáo thực hiện. Bị cáo T hoàn toàn nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo là người chưa thành niên nhưng thực hiện hành vi rất táo bạo, điều khiển xe mô tô hàng trăm km để thực hiện hành vi trộm, trèo lên mái nhà, tháo tole, trở la phong để vào nhà. Bị cáo thực hiện hành vi trộm tài sản với số tiền rất lớn, phạm tội thuộc khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, do bị cáo là người dưới 18 tuổi, phạm tội chưa đạt nên căn cứ khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự nên mức hình phạt tù áp dụng đối với bị cáo không quá 05 năm 07 tháng 15 ngày. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng cho người dân địa phương, do đó cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo T còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét bị cáo T là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] Về biện pháp tư pháp:

[3.1] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị hư hỏng nên không xem xét giải quyết

[3.2] Xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P đã thu giữ 01 tấm thớt bằng gỗ tròn, dày 3,5cm, đường kính 20,1cm, 01 cây kéo kim loại, cán màu vàng, lưỡi kéo dài 12cm, cán dài 10cm, một bên cán kéo bị gãy; 01 cây dao kim loại dài 29,2cm, lưỡi dài 17,5cm, rộng 07cm, 01 cây vít kim loại dài 11,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 09cm; 01 dụng cụ xúc nước đá bằng kim loại dài 21cm, cán tròn, phần mỏ sút hình cong rộng 6,2cm, 01 cây cờ lê bằng kim loại, dài 12cm, rộng 0,8cm, 01 (một) cây kiềm bằng kim loại, dài 16,2cm, cán cầm có bao nhựa màu nâu, 01 cây búa cán bằng gỗ, dài 16,7cm, hoành 9,5cm, đầu búa bằng kim loại dài 11,3cm, cạnh vuông rộng 2,3cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, bị vỡ màn hình không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo T.

[4] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Phúc Trọng phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 15, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Phúc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/7/2023.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 tấm thớt bằng gỗ tròn, dày 3,5cm, đường kính 20,1cm, 01 cây kéo kim loại, cán màu vàng, lưỡi kéo dài 12cm, cán dài 10cm, một bên cán kéo bị gãy, 01 cây dao kim loại dài 29,2cm, lưỡi dài 17,5cm, rộng 07cm, 01 cây vít kim loại dài 11,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 09cm, 01 dụng cụ xúc nước đá bằng kim loại dài 21cm, cán tròn, phần mỏ sút hình cong rộng 6,2cm, 01 cây cờ lê bằng kim loại, dài 12cm, rộng 0,8cm, 01 (một) cây kiềm bằng kim loại, dài 16,2cm, cán cầm có bao nhựa màu nâu, 01 cây búa cán bằng gỗ, dài 16,7cm, hoành 9,5cm, đầu búa bằng kim loại dài 11,3cm, cạnh vuông rộng 2,3cm.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, bị vỡ màn hình.

(Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân).

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Phúc T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- Đương sự (3);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Phú Tân(1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HPT (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Chi cục THADS huyện Phú Tân (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AG (1);
- Sở Tư Pháp tỉnh AG (1);
- Lưu hồ sơ Tòa án (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn